

QUYẾT ĐỊNH
VỀ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH :

Điều 1. Chức năng của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam

Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam có chức năng tiếp nhận các nguồn vốn từ ngân sách nhà nước; các nguồn tài trợ, đóng góp, ủy thác của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước nhằm hỗ trợ tài chính cho các hoạt động bảo vệ môi trường trên phạm vi toàn quốc.

Điều 2. Địa vị pháp lý của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam

1. Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam là tổ chức tài chính nhà nước trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường và chịu sự quản lý nhà nước về tài chính của Bộ Tài chính.

Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam là Quỹ Bảo vệ môi trường quốc gia.

Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam có tư cách pháp nhân, có vốn điều lệ, có bảng cân đối kế toán riêng, có con dấu, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và các ngân hàng trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

2. Tên gọi: Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam. Tên giao dịch tiếng Anh: Vietnam Environment Protection Fund (VEPF).

3. Trụ sở của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam đặt tại Hà Nội.

Quỹ có văn phòng đại diện ở các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định.

Quỹ được đặt các văn phòng giao dịch ở nước ngoài khi cần thiết theo quy định của Chính phủ.

Điều 3. Hoạt động của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam

1. Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam hoạt động không vì mục đích lợi nhuận, nhưng phải bảo toàn vốn điều lệ và tự bù đắp chi phí quản lý.

2. Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam phù hợp với Quyết định này và các quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 4. Nhiệm vụ của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam

1. Tiếp nhận các nguồn vốn theo quy định tại Điều 6 Quyết định này để tạo nguồn vốn hoạt động cho Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam.

2. Hỗ trợ tài chính cho các chương trình, dự án, các hoạt động bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, phòng, chống, khắc phục ô nhiễm, suy thoái và sự cố môi trường mang tính quốc gia, liên ngành, liên vùng hoặc giải quyết các vấn đề môi trường cục bộ nhưng phạm vi ảnh hưởng lớn dưới các hình thức sau:

a) Cho vay với lãi suất ưu đãi;

b) Hỗ trợ lãi suất vay vốn, bảo lãnh vay vốn cho các dự án môi trường vay vốn từ các tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật;

c) Tài trợ kinh phí cho việc xây dựng, triển khai các dự án huy động nguồn vốn của Quỹ nhằm thực hiện các nhiệm vụ, hoạt động xử lý khắc phục ô nhiễm môi trường, ứng phó, khắc phục hậu quả do sự cố, thảm họa môi trường gây ra; cho các chương trình, kế hoạch, dự án theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ; cho việc tổ chức các giải thưởng môi trường, các hình thức khen thưởng nhằm tôn vinh các tổ chức, cá nhân điển hình tiên tiến về bảo vệ môi trường theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; cho các dự án, nhiệm vụ bảo vệ môi trường được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam.

3. Đồng tài trợ, cho vay vốn các dự án môi trường phù hợp với tiêu chí, chức năng của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam với các tổ chức tài chính trong và ngoài nước, Quỹ Môi trường toàn cầu (GEP), các quỹ môi trường nước ngoài, các quỹ môi trường ngành, địa phương phục vụ cho các hoạt động bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

4. Tổ chức thẩm định, phê duyệt mức, thời gian và hình thức hỗ trợ tài chính cho các dự án, nhiệm vụ bảo vệ môi trường sử dụng vốn hỗ trợ đầu tư từ Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam.

5. Sử dụng vốn nhân rồi không có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước và có sự thỏa thuận của tổ chức, cá nhân cung cấp vốn để mua trái phiếu chính phủ theo quy định của pháp luật.

6. Tổ chức đăng ký, theo dõi và quản lý các chứng chỉ giảm phát thải khí nhà kính được chứng nhận (sau đây gọi là CERs; 1 CER được xác định bằng một tấn khí CO₂ tương đương); tổ chức đăng ký nhận, phân chia và bán CERs với các chủ sở hữu CERs hoặc đầu môi tiếp nhận CERs; thu lệ phí bán CERs để trang trải chi phí cho việc thu lệ phí, chi hỗ trợ cho các hoạt động phổ biến, tuyên truyền về cơ chế phát triển sạch (sau đây gọi là CDM); lập, xây dựng, thẩm định, phê duyệt tài liệu dự án đầu tư theo cơ chế phát triển sạch (sau đây gọi là dự án CDM); quản lý và giám sát thực hiện dự án CDM và các mục đích khác liên quan đến CDM theo quy định của pháp luật; thực hiện trợ giá cho các sản phẩm của dự án CDM theo quy định của pháp luật.

7. Nhận ký quỹ phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản với các tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản.

8. Tham gia điều phối, quản lý tài chính các chương trình, dự án bảo vệ môi trường trọng điểm theo sự phân công của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và quyết định của cấp có thẩm quyền.

9. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường phân công.

Điều 5. Quyền hạn của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam

1. Tổ chức cơ quan điều hành và các đơn vị nghiệp vụ hoạt động phù hợp với Điều lệ, mục tiêu và các nhiệm vụ được giao.

2. Kiểm tra định kỳ và đột xuất các đơn vị sử dụng vốn của Quỹ trong việc triển khai các hoạt động, nhiệm vụ và dự án bảo vệ môi trường. Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam có quyền rút vốn vay, đình chỉ tài trợ hoặc hỗ trợ lãi suất vay đối với các chủ đầu tư vi phạm cam kết với Quỹ hoặc vi phạm các quy định của Nhà nước và khởi kiện các chủ đầu tư đó tới các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

3. Được mời các chuyên gia của các Bộ, ngành và tổ chức liên quan tham gia Hội đồng thẩm định các hoạt động, nhiệm vụ và dự án bảo vệ môi trường xin tài trợ hoặc xin hỗ trợ đầu tư và phục vụ cho các hoạt động khác của Quỹ.

4. Được hưởng chế độ lương, thưởng, phúc lợi theo quy định như đối với doanh nghiệp nhà nước.

5. Từ chối mọi yêu cầu của bất cứ tổ chức hoặc cá nhân nào về việc cung cấp thông tin và các nguồn lực khác của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam nếu yêu cầu đó trái với quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam.

6. Được trực tiếp quan hệ với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để kêu gọi, thu hút và tiếp nhận tài trợ hoặc huy động vốn bổ sung cho Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam.

7. Được cử cán bộ và nhân viên của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam ra nước ngoài công tác, học tập, tham quan, khảo sát theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 6. Nguồn vốn của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam

Vốn hoạt động của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam được hình thành từ các nguồn sau:

1. Vốn điều lệ của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam do ngân sách nhà nước cấp là 500 (năm trăm) tỷ đồng và được cấp đủ trong thời hạn 2 năm, kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành. Hàng năm Quỹ được cấp bổ sung vốn từ nguồn ngân sách nhà nước chi sự nghiệp môi trường để bù đắp kinh phí tài trợ cho các dự án, nhiệm vụ bảo vệ môi trường, bảo đảm vốn hoạt động của Quỹ từ nguồn ngân sách ít nhất bằng 500 tỷ đồng. Việc thay đổi vốn điều lệ của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam do Thủ tướng Chính phủ quyết định trên cơ sở đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Vốn hoạt động bổ sung hàng năm từ các nguồn khác:

a) Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải, khí thải, chất thải rắn, khai thác khoáng sản và các loại phí bảo vệ môi trường khác theo quy định của pháp luật;

b) Các khoản bồi thường thiệt hại về môi trường thu vào ngân sách nhà nước;

c) Tiền phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;

d) Lệ phí bán CERs;

đ) Các khoản tài trợ, hỗ trợ, đóng góp, ủy thác đầu tư của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước;

e) Các nguồn vốn bổ sung khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Bộ máy quản lý và điều hành của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam

Bộ máy quản lý và điều hành của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam gồm có Hội đồng quản lý Quỹ, Ban Kiểm soát, Cơ quan điều hành nghiệp vụ và các Văn phòng đại diện của Quỹ.

1. Hội đồng quản lý Quỹ gồm có Chủ tịch và các ủy viên.

Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ là một Thứ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Các ủy viên là lãnh đạo cấp vụ từ các cơ quan: Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Căn cứ vào đề nghị của Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ra quyết định bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản lý Quỹ. Các thành viên Hội đồng quản lý quỹ hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm và được hưởng các chế độ theo quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Ban Kiểm soát gồm có Trưởng Ban Kiểm soát và một số thành viên.

Trưởng Ban Kiểm soát do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ bổ nhiệm và miễn nhiệm. Thành viên Ban Kiểm soát do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ quyết định theo đề nghị của Trưởng Ban Kiểm soát; số lượng thành viên Ban Kiểm soát không quá 5 người. Ban Kiểm soát hoạt động theo chế độ chuyên trách.

3. Cơ quan điều hành nghiệp vụ của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam gồm: Giám đốc, một số Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và các phòng, ban nghiệp vụ, Văn phòng đại diện trực thuộc Quỹ.

a) Giám đốc Quỹ do Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ;

b) Phó Giám đốc và Kế toán trưởng do Giám đốc đề nghị, Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, trình Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm;

c) Cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của các phòng, ban nghiệp vụ giúp việc Cơ quan điều hành Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam do Giám đốc Quỹ quyết định sau khi có ý kiến chấp thuận của Chủ tịch Hội đồng Quản lý Quỹ;

Cơ quan điều hành nghiệp vụ của Quỹ làm việc theo chế độ chuyên trách.

Điều 8. Điều khoản thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo và thay thế các quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam từ Điều 1 đến Điều 9 Quyết định số 82/2002/QĐ-TTg ngày 26 tháng 6 năm 2002.

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ trưởng các Bộ: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nội vụ, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ và Giám đốc Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Quyết định này.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG
Hoàng Trung Hải**